

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 9 năm 2021

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quang Dương

2. Ông Phạm Ngọc Túy

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Ch, huyện Q, tỉnh Thái Bình

**2. Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Ch, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Anh Th có mặt tại phiên tòa, chị L vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Th có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã Ch), huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/11/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn Ph, xã Ch, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc

đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị L không đồng hành cùng anh làm ăn kinh tế dẫn tới cãi cự lẫn nhau. Tháng 4 năm 2021 anh ra khu chuyển đổi (khu chăn nuôi) của gia đình để ở và ly thân với chị L từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Th trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phát L1, sinh ngày 12/12/2005 và Nguyễn Lộc Ph, sinh ngày 07/10/2013. Hiện nay con L1 đang ở cùng chị L tại nhà của vợ chồng tại thôn Ph, xã Ch; con Ph đang ở cùng anh ở khu chuyển đổi. Ly hôn, anh Th đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu chị L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị L có quyền thăm nom con chung.

Lý do anh xin nuôi hai con chung vì anh tự làm, kinh doanh (kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm và buôn gà thịt, làm trang trại) có thu nhập khoảng 30 triệu đồng/01 tháng, có nơi ở ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*- Tại bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, bị đơn là chị Nguyễn Thị L có ý kiến như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị L xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn như anh Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của vợ chồng ở Thôn Ph, xã Ch, huyện Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không còn hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Th ra khu chuyển đổi ở từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Nay anh Th xin ly hôn, chị L cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung đúng như anh Th trình bày. Hiện nay con Nguyễn Phát L1, sinh ngày 12/12/2005 đang ở cùng chị L tại nhà của vợ chồng tại thôn Ph, xã Ch; con Nguyễn Lộc Ph, sinh ngày 07/10/2013 đang ở cùng anh Th ở khu chuyển đổi. Ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Th phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị xin nuôi hai con vì chị không muốn các con sống tách biệt với nhau. Bản thân chị hiện đang làm việc tại công ty Sao Vàng, tại Cụm công nghiệp Q, Q, huyện Quỳnh Phụ thu nhập bình quân (cả lương cơ bản và các khoản thu nhập tăng thêm như thưởng, phụ cấp, tiền chuyên cần...) khoảng 07 đến 08 triệu đồng/tháng, mẹ con chị có nhà ở ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Tại các biên bản ghi lời khai của các cháu Nguyễn Lộc Ph (ngày 23/7/2021) và Nguyễn Phát L1 (ngày 12/8/2021) thể hiện: Cháu Ph có nguyện vọng được ở cùng với bố là anh Nguyễn Văn Th; cháu Lộc có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị L.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hai lần nhưng không đến tham gia phiên tòa là chưa chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Xử cho anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị L ly hôn; về con chung: đề nghị giao con chung Nguyễn Phát L1, sinh ngày 12/12/2005 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Lộc Ph, sinh ngày 07/10/2013 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết; về án phí và quyền kháng cáo: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị L là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại Thôn Ph, xã Ch, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa mở lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh Th, chị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng gần 13 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, cảm thông với nhau nên dẫn tới xảy ra cãi cự nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết

vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã kiên trì hòa giải, động viên để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, anh Th kiên quyết xin ly hôn chị L, chị L tại bản tự khai và các phiên hòa giải cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần xử cho anh Th, chị L ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Th, chị L cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phát L1, sinh ngày 12/12/2005 và Nguyễn Lộc Ph, sinh ngày 07/10/2013. Hiện nay con L1 đang ở cùng chị L, con Ph đang ở cùng anh Th. Ly hôn, anh Th, chị L đều mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng. Xét điều kiện thực tế hiện nay cả anh Th, chị L đều có công việc làm và thu nhập nhất định, có nơi ở đảm bảo để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Mặt khác con L1 có nguyện vọng được ở với mẹ, con Ph có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, cụ thể là giao con L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Ph cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th, chị L đều đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phát L1, sinh ngày 12/12/2005; giao anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lộc Ph, sinh ngày 07/10/2013. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy

định của pháp luật. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Th đã nộp tại biên lai số 0004444 ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Ch, h. Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Phụng**